

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường  
áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp xã, tỉnh Cà Mau**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 494/TTr-STNMT ngày 20 tháng 11 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 10 thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Trong đó gồm: 01 thủ tục hành chính mới ban hành và 09 thủ tục hành chính được hủy bỏ, bãi bỏ (có danh mục và nội dung TTHC kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế toàn bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp xã, tỉnh Cà Mau đã được công bố tại Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố Cà Mau; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC; Cục Công tác phía Nam (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- NC (N);
- Lưu: VT, Ktr19/12.

**KT. CHỦ TỊCH  
HỒ CHỮ TỊCH**  
  
**Trần Hồng Quân**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ÁP DỤNG CHUNG TẠI UBND CẤP XÃ, TỈNH CÀ MAU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1921/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau)*



**PHẦN I.  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ.**

S TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định hủy bỏ, bãi bỏ TTHC
<b>Lĩnh vực đất đai</b>			
01	TT-CMU-218379-TT	Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp thửa đất không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng không có nhu cầu cấp giấy chứng nhận hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của người khác.	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
02	TT-CMU-218381-TT	Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là chủ sử dụng đất.	
03	TT-CMU-218382-TT	Cấp giấy chứng nhận trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng.	
04	T-CMU-218392-TT	Cấp giấy chứng nhận cho người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất, rừng trồng.	
05	TT-CMU-218396-TT	Cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	
06	TT-CMU-218402-TT	Cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bị mất.	
07	TT-CMU-218404-TT	Giao đất làm nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân tại nông thôn không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất.	
08	TT-CMU-218409-TT	Cho thuê đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân.	
09	TT-CMU-218413-TT	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng.	

**II. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành.**

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>Lĩnh vực đất đai</b>	
01	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai

## **PHẦN II**

### **NỘI DUNG CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG TẠI UBND CẤP XÃ, TỈNH CÀ MAU**

#### **I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI:**

##### **1. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai**

###### **1.1. Trình tự thực hiện:**

- Người đề nghị nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.

Chuyên viên thụ lý xem xét, nếu nội dung đơn đã rõ ràng, đúng quy định thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn. Trường hợp nội dung đơn chưa rõ, chưa đúng quy định thì lập phiếu hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung một lần.

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.

- Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp cấp xã. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được coi là việc hòa giải không thành.

- Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung: Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận được. Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên

tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành.

- Trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến Phòng Tài nguyên và Môi trường (nếu là tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau); gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các trường hợp khác).

- Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

- Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo.

#### **1.2. Cách thức thực hiện:**

- Người có đơn yêu cầu hòa giải gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

#### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

#### **1.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định

- Thời hạn giải quyết: không quá 30 ngày; đối với các xã hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.

#### **1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

#### **1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng ấp, khóm đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp cấp xã. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Biên bản hòa giải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hòa giải, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải (có đóng dấu Ủy ban nhân dân cấp xã);

- Biên bản hòa giải được gửi cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

**1.8. Lệ phí:** Không.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.